

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC BAN HÀNH “ĐIỀU LỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 510/TTr-BGDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2010 về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Điều lệ trường đại học” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này khi cần thiết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2010 và thay thế Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ,

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

ĐIỀU LỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương 1. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định tổ chức và hoạt động của trường đại học, bao gồm: nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học; tổ chức các hoạt động giáo dục và đào tạo; hoạt động khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế; nhiệm vụ và quyền của giảng viên, của công chức, viên chức; nhiệm vụ và quyền của người học; tổ chức và quản lý trường đại học; tài chính và tài sản của trường đại học; quan hệ giữa trường đại học, gia đình và xã hội.

2. Điều lệ này áp dụng đối với các đại học, trường đại học và học viện (sau đây gọi chung là trường đại học) trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Đại học, trường đại học tư thục, trường đại học có yếu tố nước ngoài hoạt động theo điều lệ này và quy chế tổ chức và hoạt động của đại học, trường đại học tư thục, quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục.

Điều 2. Nguyên tắc đặt tên trường đại học

Tên của trường đại học bao gồm các cụm từ sau đây:

1. Cụm từ xác định loại trường đại học: trường đại học, học viện;
2. Cụm từ xác định loại hình, lĩnh vực, ngành nghề (nếu có);
3. Tên riêng: tên địa phương; danh nhân văn hóa, lịch sử; tên cá nhân, tổ chức nếu được địa phương, cá nhân, tổ chức chấp thuận và được Thủ tướng Chính phủ cho phép;
4. Cụm từ xác định chất lượng, đẳng cấp nếu thấy cần thiết và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Quản lý nhà nước đối với trường đại học

1. Trường đại học chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trường đặt trụ sở.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trường đại học.

Điều 4. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học

Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học, của trường đại học tư thục là các văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể Điều lệ trường đại học để áp dụng cho đại học, trường đại học tư thục.

Căn cứ các quy định của Điều lệ này, Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học, của trường đại học tư thục và các quy định pháp luật có liên quan, trường đại học xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường và công bố công khai để mọi người quan tâm có thể tiếp cận dễ dàng.

Chương 2.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường đại học

1. Xác định tầm nhìn, xây dựng chiến lược và kế hoạch tổng thể phát triển nhà trường qua từng giai đoạn, kế hoạch hoạt động hàng năm.
2. Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục; xác nhận hoặc cấp văn bằng, chứng chỉ theo thẩm quyền.
3. Tuyển dụng, quản lý công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu độ tuổi và giới, đạt chuẩn về trình độ được đào tạo; tham gia vào quá trình điều động của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với nhà giáo, cán bộ, nhân viên.
4. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong đội ngũ công chức, viên chức và người học của trường.
5. Tuyển sinh và quản lý người học.
6. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, mở rộng sản xuất, kinh doanh và chi cho các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
7. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa;
8. Phối hợp với gia đình người học, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục và đào tạo.
9. Tổ chức cho công chức, viên chức và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội.
10. Tự đánh giá chất lượng giáo dục và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền; xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng của nhà trường; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.
11. Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước; thực hiện dịch vụ khoa học, sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.
12. Liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với sử dụng, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho nhà trường.
13. Xây dựng, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu về đội ngũ công chức, viên chức, các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế của nhà trường, về quá trình học tập và phát triển sau tốt nghiệp của người học; tham gia dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trong lĩnh vực đào tạo của trường.
14. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của nhà trường.
15. Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được miễn, giảm thuế, vay tín dụng theo quy định của pháp luật;
16. Chấp hành pháp luật về giáo dục; thực hiện xã hội hóa giáo dục.
17. Giữ gìn, phát triển di sản và bản sắc văn hóa dân tộc.
18. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của trường đại học

Trường đại học được quyền tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ này về quy hoạch, kế hoạch phát triển trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự. Cụ thể là:

1. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề được phép đào tạo; xây dựng hệ thống chuyển đổi tín chỉ với các cơ sở đào tạo khác.

2. Xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng.

3. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm.

4. Lựa chọn tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục để đăng ký kiểm định; được quyền khiếu nại, tố cáo và khiếu kiện với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục khi có đủ căn cứ chứng minh là vi phạm.

5. Tham gia tuyển chọn và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

6. Tổ chức bộ máy của nhà trường; tuyển dụng, quản lý, sử dụng, đãi ngộ công chức, viên chức của nhà trường; bồi dưỡng nâng cao trình độ cho công chức, viên chức và định kỳ thực hiện đánh giá công chức, viên chức.

7. Báo cáo các hoạt động của trường với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

8. Công khai và giải trình với xã hội, các bên liên quan về các hoạt động của nhà trường và kết quả của các hoạt động đó; có trách nhiệm thực hiện các cam kết với cơ quan quản lý nhà nước, với các bên liên quan và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động để đạt được các cam kết ấy.

9. Không để bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của nhà trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

Chương 3.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 7. Ngôn ngữ giảng dạy

Tiếng Việt là ngôn ngữ chính thức giảng dạy trong các trường đại học. Các chương trình hợp tác với nước ngoài, chương trình đào tạo ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, các chương trình đáp ứng các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo được giảng dạy bằng tiếng nước ngoài. Việc giảng dạy bằng tiếng dân tộc thiểu số thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Trình độ đào tạo

Trường đại học đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ đại học; đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ khi được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

Điều 9. Mở ngành đào tạo

1. Trường đại học được mở các ngành đào tạo trình độ đại học, ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ (gọi chung là mở ngành đào tạo) đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước khi có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này. Trường đại học được đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo của giáo dục đại học chưa có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

2. Điều kiện để được mở ngành đào tạo trình độ đại học

a) Có đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhận giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 01 giảng viên có trình độ tiến sĩ và 03 giảng viên có trình độ thạc sĩ đúng ngành đăng ký;

b) Đã xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Có đủ phòng học với các phương tiện, trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập; có đủ phòng thí nghiệm, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ, xưởng thực hành và các phần mềm liên quan đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo; thư viện của trường đáp ứng được yêu cầu của ngành đào tạo về phòng đọc, giáo trình, bài giảng của môn học, các tài liệu liên quan, máy tính, phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu.

d) Đã hoàn thành tổ chức bộ máy quản lý và xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, đảm bảo triển khai ngành đào tạo; không vi phạm các quy định về tuyển sinh, hoạt động đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong 03 năm tính đến khi nộp hồ sơ xin mở ngành đào tạo mới.

3. Điều kiện để được mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

a) Trường đại học đã đào tạo trình độ đại học ở ngành tương ứng với ngành đăng ký đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 02 khóa sinh viên đại học chính quy của ngành này đã tốt nghiệp.

b) Đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường đảm nhận giảng dạy ít nhất 70% khối lượng của chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 05 giảng viên cơ hữu có bằng tiến sĩ thuộc ngành đăng ký đào tạo, đã hoặc đang tham gia các đề tài khoa học, mỗi người đã công bố ít nhất 03 công trình khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong vòng 05 năm tính đến khi nộp hồ sơ xin phép mở ngành đào tạo.

c) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm, phòng máy tính, mạng Internet đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo; có thư viện với phòng đọc, phòng tra cứu thông tin, nguồn thông tin tư liệu, sách, tạp chí xuất bản ở trong nước và nước ngoài đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo ngành.

d) Đã xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

đ) Đã hoàn thành tổ chức bộ máy quản lý và xây dựng, Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà trường, đảm bảo triển khai ngành đào tạo; không vi phạm các quy định về tuyển sinh, quy định về hoạt động đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong 03 năm tính đến khi nộp hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo mới.

4. Điều kiện để được mở chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ.

a) Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của trường có ít nhất 01 phó giáo sư và 04 tiến sĩ cùng ngành, trong đó ít nhất có 03 người cùng chuyên ngành đăng ký; mỗi người đã công bố ít nhất ba công trình khoa học trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín trong vòng 05 năm tính đến khi nộp hồ sơ đăng ký mở ngành; có khả năng xây dựng chương trình và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện luận án tiến sĩ và đánh giá luận án.

b) Đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ và tổ chức đánh giá luận án.

c) Có cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, thư viện, phòng thí nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo; có chỗ làm việc dành riêng cho nghiên cứu sinh.

d) Đã thực hiện những nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp nhà nước, bộ, ngành, tỉnh, thành phố; có kinh nghiệm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu khoa học; thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học chuyên ngành và hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

đ) Trường đại học đã đào tạo trình độ thạc sĩ và có ít nhất 02 khóa thạc sĩ tốt nghiệp ở ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký đào tạo trình độ tiến sĩ.

e) Đã xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

g) Đã hoàn thành tổ chức bộ máy quản lý và xây dựng Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của nhà trường, đảm bảo triển khai chuyên ngành đào tạo; không vi phạm các quy định về tuyển sinh, quy định về hoạt động đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong 03 năm tính đến khi nộp hồ sơ xin mở ngành đào tạo mới.

5. Quy trình mở ngành đào tạo

a) Khi có đủ các điều kiện mở ngành, trường đại học xây dựng đề án mở ngành đào tạo trên cơ sở các nghiên cứu khảo sát và tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện các doanh nghiệp có liên quan đến ngành đăng ký. Đề án phải xác định rõ sự cần thiết mở ngành đào tạo, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học, địa điểm và kế hoạch triển khai, các điều kiện mở ngành kèm theo minh chứng, vấn đề tài chính và các điều kiện khác để đảm bảo chất lượng đào tạo.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định đề án, ra quyết định mở ngành đào tạo nếu trường đại học đáp ứng các điều kiện để được mở ngành, chuyên ngành đào tạo, tương ứng quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 của Điều này.

6. Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo

a) Tờ trình đăng ký mở ngành đào tạo;

b) Đề án đăng ký mở ngành đào tạo;

c) Biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của trường.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ và quy trình mở ngành đào tạo.

Điều 10. Chương trình đào tạo, giáo trình

1. Trường đại học tổ chức phát triển các chương trình đào tạo:

a) Xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Đối với các chương trình đào tạo chưa có chương trình khung, chương trình đào tạo thí điểm, trường đại học xây dựng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

c) Thường xuyên phát triển chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa, tạo điều kiện để nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển về khoa học công nghệ, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, của từng ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương nói riêng.

d) Dựa trên chương trình đào tạo của hệ chính quy, thiết kế các chương trình đào tạo không chính quy, các chương trình chuyên đổi.

đ) Định kỳ, tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo và các môn học của nhà trường để có những điều chỉnh phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2. Hiệu trưởng trường đại học tổ chức biên soạn hoặc tổ chức lựa chọn; duyệt giáo trình các môn học để sử dụng làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức trong trường trên cơ sở thẩm định của Hội đồng thẩm định giáo trình do Hiệu trưởng thành lập để bảo đảm có đủ giáo trình giảng dạy, học tập; xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy - học đáp ứng yêu

cầu đổi mới toàn diện về nội dung, phương pháp dạy – học, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.

Điều 11. Tuyển sinh

1. Căn cứ vào năng lực của nhà trường, nhu cầu nhân lực của xã hội, trường đại học xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chí xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

Điều 12. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Trường đại học tổ chức và quản lý đào tạo theo các quy chế đào tạo do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Trường đại học chỉ được phép triển khai ngành đào tạo tại cơ sở giáo dục, nơi đã được cấp có thẩm quyền thẩm định đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng.

3. Trường đại học thực hiện liên kết đào tạo trình độ đại học, cao đẳng với cơ sở đào tạo khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Đánh giá quá trình và kết quả dạy – học

1. Trường đại học tổ chức thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động xã hội của người học; đánh giá kết quả giảng dạy của giảng viên.

2. Trường đại học lựa chọn phương pháp, quy trình và xây dựng hệ thống đánh giá bảo đảm khách quan và chính xác, đảm bảo xác định được mức độ tích lũy kiến thức và kỹ năng của người học, xác định được hiệu quả giảng dạy và mức độ phấn đấu, nâng cao trình độ của giảng viên. Đánh giá quá trình và kết quả dạy – học được thực hiện theo các quy định của Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 14. Văn bằng, chứng chỉ

1. Trường đại học cấp chứng chỉ, cấp văn bằng tốt nghiệp và bảng điểm cho người học; thực hiện in, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trường đại học công bố công khai các thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học trên website của nhà trường và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng chứng chỉ do trường cấp.

Điều 15. Hoạt động đảm bảo chất lượng và đăng ký kiểm định của trường đại học

Trường đại học thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng và đăng ký kiểm định, bao gồm:

1. Thành lập đơn vị chuyên trách về đảm bảo chất lượng đào tạo của nhà trường.
2. Xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng của nhà trường
3. Tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và định kỳ đăng ký kiểm định chương trình, kiểm định trường.
4. Tham gia các hoạt động đánh giá ở trong nước và quốc tế.
5. Công bố công khai các kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo trên website và các phương tiện thông tin khác của nhà trường
6. Lập kế hoạch khắc phục các hạn chế, yếu kém về chất lượng đào tạo của nhà trường sau khi được kiểm định và công bố công khai kế hoạch đó.

Chương 4.

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 16. Mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động khoa học và công nghệ

1. Hoạt động khoa học và công nghệ nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học và nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Ứng dụng tri thức, công nghệ mới và tạo ra phương thức, giải pháp mới phục vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước, góp phần tạo cơ sở cho hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

3. Đóng góp và phát triển kho tàng tri thức, công nghệ của nhân loại.

Điều 17. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ

1. Nghiên cứu khoa học cơ bản.

2. Nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

3. Nghiên cứu khoa học giáo dục.

4. Nghiên cứu khoa học công nghệ.

5. Nghiên cứu và cung cấp các giải pháp về công nghệ, thiết bị, sản phẩm mới phục vụ sự nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

6. Xây dựng các vườn ươm công nghệ, gắn phát triển công nghệ với tạo sản phẩm mới có khả năng thương mại cao.

7. Hỗ trợ đăng ký và bảo vệ sở hữu trí tuệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

8. Xây dựng các phòng thí nghiệm, các cơ sở nghiên cứu theo chuyên ngành, liên ngành, vừa phục vụ đào tạo vừa phục vụ nghiên cứu khoa học.

9. Tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

10. Tham gia tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, các nhiệm vụ theo đơn đặt hàng.

11. Xây dựng và ký kết các hợp đồng khoa học và công nghệ, tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của người nghiên cứu.

12. Tổ chức các bộ phận hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

13. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường; trao đổi thông tin khoa học và công nghệ với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác ở trong và ngoài nước.

Điều 18. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

1. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường.

2. Ban hành quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan về hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của trường, khoa, trung tâm; gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

4. Tổ chức huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ và sử dụng nguồn vốn theo nguyên tắc hiệu quả và phát triển tài năng trẻ.

5. Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên, nghiên cứu viên, sinh viên có kết quả nghiên cứu khoa học xuất sắc.

6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổng kết việc thực hiện kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương 5. **HỢP TÁC QUỐC TẾ**

Điều 19. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế

1. Phát triển hợp tác quốc tế của trường đại học phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đảm bảo phát triển nhà trường bền vững.

2. Khai thác các khả năng hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để phục vụ có hiệu quả sự phát triển của nhà trường, của sự nghiệp giáo dục và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Hợp tác quốc tế về giáo dục của trường đại học phải bảo đảm giáo dục người học về nhân cách, phẩm chất và năng lực công dân, tôn trọng bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện mục tiêu giáo dục, yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học; làm cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài hiểu về đất nước, con người Việt Nam và hệ thống giáo dục Việt Nam; đáp ứng nhu cầu hợp tác của đối tác nước ngoài theo khả năng của nhà trường trên nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi.

Điều 20. Nội dung hợp tác quốc tế

1. Liên kết đào tạo;

2. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, hợp tác tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học;

3. Tư vấn, tài trợ, đầu tư phát triển cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và các hoạt động giáo dục khác trong trường;

4. Đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, nghiên cứu viên và cán bộ quản lý của trường;

5. Trao đổi giảng viên, nghiên cứu viên, người học;

6. Liên kết thư viện, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Điều 21. Phương thức hợp tác quốc tế

1. Hợp tác về đào tạo, khoa học và công nghệ với các tổ chức, các trường đại học và cá nhân nước ngoài.

2. Hợp tác với các tổ chức quốc tế liên quan đến giáo dục, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3. Thực hiện các hoạt động quốc tế theo chương trình, kế hoạch của nhà trường.

4. Tham gia các chương trình hợp tác quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

Điều 22. Nội dung quản lý hợp tác quốc tế

1. Xây dựng kế hoạch, chương trình hợp tác quốc tế hàng năm và dài hạn của nhà trường.

2. Chuẩn bị, ký kết và triển khai các thỏa thuận song phương, đa phương.

3. Quản lý các dự án sử dụng ngân sách của Chính phủ, kinh phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nguồn vốn ODA theo quy định của Chính phủ.

4. Quản lý hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tổ chức bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường.

Chương 6. **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**

Điều 23. Nhiệm vụ và quyền của công chức, viên chức trong trường đại học

1. Thực hiện nhiệm vụ của công chức, viên chức theo quy định của Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường.
3. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác được giao.
4. Tham gia góp ý kiến vào việc phát triển nhà trường, xây dựng các quy định, quy chế và giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tham gia đánh giá kết quả hoạt động của nhà trường và của đơn vị nơi công tác theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.
5. Được hưởng các quyền của công chức, viên chức theo quy định của pháp luật; được tạo các điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
6. Được đánh giá hàng năm về việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Được xét tặng các phần thưởng cao quý và Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục theo quy định.

Điều 24. Tiêu chuẩn của giảng viên

1. Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt.
2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với giảng viên giảng dạy các môn lý thuyết của chương trình đào tạo đại học; có bằng tiến sĩ đối với giảng viên giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.
3. Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc.
4. Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp.
5. Lý lịch bản thân rõ ràng.

Điều 25. Nhiệm vụ của giảng viên

1. Thực hiện nhiệm vụ của viên chức quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.
2. Thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, quản lý đào tạo, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ theo quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
3. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
4. Tham gia quản lý trường, tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tin nhiệm và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao.

Điều 26. Quyền của giảng viên

1. Thực hiện các quyền của viên chức quy định tại Điều 23 của Điều lệ này.
2. Được giảng dạy và tham gia hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với chuyên môn được đào tạo.
3. Được đảm bảo các điều kiện vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho hoạt động giảng dạy, khoa học và công nghệ, học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ; được cung cấp thông tin và sử dụng các dịch vụ đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ công cộng của nhà trường.
4. Được giới thiệu giáo trình, lựa chọn tài liệu tham khảo, phương pháp và phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân để bảo đảm nội dung và chất lượng của hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.
5. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được tạo điều kiện ra nước ngoài hợp tác giảng dạy, hợp tác nghiên cứu, trao đổi học thuật, học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo chương trình hợp tác hoặc theo giấy mời của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật.

6. Được tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong nước và nước ngoài theo quy định.

7. Được ký hợp đồng thỉnh giảng, tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh tế khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ của trường và được sự đồng ý của Hiệu trưởng (đối với trường đại học) hoặc Giám đốc (đối với học viện).

8. Được đăng ký xét công nhận, được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; được xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú theo quy định của pháp luật.

9. Được nghỉ hè, nghỉ học kỳ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10. Giảng viên tham gia hoạt động khoa học và công nghệ được hưởng quyền quy định tại Luật Khoa học và Công nghệ; nghiên cứu viên thực hiện nhiệm vụ của giảng viên theo phân công của các cấp quản lý được hưởng quyền như giảng viên.

Điều 27. Tuyển dụng giảng viên

1. Trường đại học tuyển chọn giảng viên theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, ưu tiên tuyển chọn những người có bằng tốt nghiệp đại học từ loại khá trở lên, người đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có phẩm chất tốt và có nguyện vọng trở thành giảng viên để bổ sung vào đội ngũ giảng viên của trường.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật liên quan đến giảng viên, trường đại học xây dựng quy định cụ thể về tuyển dụng giảng viên và thôi không làm giảng viên trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Công chức được tuyển dụng làm giảng viên trong trường đại học thì phải thôi làm công chức trong bộ máy nhà nước theo quy định của Luật Cán bộ, Công chức.

4. Giảng viên là viên chức vi phạm hợp đồng lao động thì bị xử lý vi phạm hợp đồng theo quy định của Luật giáo dục, Luật Lao động, các quy định về viên chức và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 28. Trợ giảng trong trường đại học

1. Trợ giảng là người giúp việc cho giảng viên trong việc chuẩn bị bài giảng, phụ đạo, hướng dẫn bài tập, thảo luận, thí nghiệm, thực hành và chấm bài.

2. Giảng viên đang tập sự, các nghiên cứu sinh, học viên cao học đang học tập, nghiên cứu ở bộ môn và các sinh viên giỏi năm cuối khóa, các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, kinh doanh, dịch vụ trong và ngoài trường có thể tham gia làm trợ giảng.

3. Việc quyết định trợ giảng, nhiệm vụ, quyền và chế độ phụ cấp của trợ giảng được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Chương 7.

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 29. Người học trong trường đại học

Người học trong trường đại học là sinh viên đang theo học các trình độ đào tạo của trường.

Người học là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đã được nhà trường tuyển chọn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 30. Nhiệm vụ của người học

1. Thực hiện nhiệm vụ của công dân theo quy định của pháp luật. Người học là người nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam.

2. Thực hiện các quy chế về đào tạo, về công tác sinh viên và các quy định của pháp luật liên quan đến người học; thực hiện quy chế, nội quy, quy định của nhà trường.
3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện.
4. Tham gia hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường.
6. Góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Điều 31. Quyền của người học

1. Được nhà trường tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình.
2. Được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật đối với người học; được nhà trường tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị khoa học, công bố các công trình khoa học và công nghệ trong các ấn phẩm của trường.
3. Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được cấp học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, được hưởng các chính sách ưu đãi từ tín dụng giáo dục, quỹ khuyến học và quỹ bảo trợ giáo dục theo quy định của pháp luật.
4. Người học đạt thành tích xuất sắc và có đạo đức tốt được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định hiện hành;
5. Được cấp văn bằng, bằng điểm, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp hoặc hoàn thành khóa học;
6. Được tham gia các hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường, cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật.
7. Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của trường.
8. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp góp phần xây dựng trường, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học.
9. Được tham gia các hoạt động của Hội sinh viên theo quy định tại Điều lệ Hội sinh viên Việt Nam.

Chương 8.

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Điều 32. Mô hình tổ chức của trường đại học

1. Mô hình tổ chức của trường đại học bao gồm:
 - a) Hội đồng trường (đối với trường đại học công lập), Hội đồng quản trị (đối với trường đại học tư thục);
 - b) Ban Giám hiệu, gồm: Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đối với trường đại học, Giám đốc và các Phó giám đốc đối với học viện (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng);
 - c) Hội đồng khoa học và đào tạo, các Hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng thành lập;
 - d) Các Khoa, Viện trực thuộc trường;
 - đ) Các bộ môn trực thuộc khoa, viện. Một số trường đại học chuyên ngành có thể có các bộ môn trực thuộc trường;

- e) Các phòng chức năng;
 - g) Các tổ chức khoa học và công nghệ; tổ chức phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ;
 - h) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - i) Các đoàn thể và tổ chức xã hội.
 - k) Phân hiệu (nếu có);
 - l) Văn phòng đại diện (nếu có);
2. Mô hình tổ chức của trường đại học tự thực thực hiện theo quy định của Điều lệ này và Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

Điều 33. Hội đồng trường, Hội đồng quản trị

1. Hội đồng trường đối với trường đại học công lập, Hội đồng quản trị đối với trường đại học tự thực là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường

a) Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của trường bao gồm kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm.

b) Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Quyết nghị về chủ trương xây dựng bộ máy tổ chức, chủ trương tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, chủ trương về tài chính, tài sản, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 50 của Điều lệ này; huy động nguồn lực cho nhà trường;

d) Quyết nghị về định hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của trường;

đ) Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường;

e) Hàng năm tổ chức đánh giá Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn khác (nếu có) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

g) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước, giải trình về các hoạt động, việc thực hiện các cam kết và kết quả dự kiến của trường.

h) Giới thiệu nhân sự đề cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng;

i) Giám sát các hoạt động của nhà trường; định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu Hiệu trưởng báo cáo và giải trình về các hoạt động của trường; khi cần thiết, yêu cầu các đơn vị trong trường báo cáo, giải trình về các hoạt động liên quan.

k) Thông qua về: việc thành lập, sáp nhập, chia tách và giải thể các đơn vị trong trường; kế hoạch ngân sách, mức học phí; chỉ tiêu tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và phương thức tuyển sinh; danh sách thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tư vấn.

3. Hội đồng quản trị trong trường đại học tự thực được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

Điều 34. Đối tượng tham gia, nhiệm kỳ, thành phần của Hội đồng trường, thủ tục thành lập và hoạt động của Hội đồng trường

1. Đối tượng tham gia Hội đồng trường: đại diện tổ chức Đảng, Ban giám hiệu, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, đại diện các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng nhà trường, đại diện các đơn vị sản xuất, kinh doanh có liên quan.

2. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng trường là 5 năm.

3. Hội đồng trường có tổng số thành viên là số lẻ, từ 15 đến 31 thành viên, bao gồm các thành phần đương nhiên, thành phần mời và thành phần bầu, trong đó thành phần bầu chiếm không quá 70% tổng số thành viên của Hội đồng trường.

Thành phần đương nhiên gồm Bí thư Đảng ủy và Hiệu trưởng nhà trường.

Thành phần mời gồm: đại diện cho cơ quan trực tiếp quản lý trường, đại diện của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đại diện các đơn vị sản xuất, kinh doanh có liên quan.

Thành phần bầu gồm đại diện cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên thuộc các đơn vị trong trường.

Sau mỗi nhiệm kỳ, thực hiện bổ nhiệm mới không quá 50% số thành viên của Hội đồng trường.

4. Hội đồng trường bầu Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng trường theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số phiếu. Chủ tịch Hội đồng trường là chuyên trách, chịu trách nhiệm điều hành Hội đồng trường thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 33 của Điều lệ này.

5. Thủ tục thành lập Hội đồng trường:

a) Đối với nhiệm kỳ đầu tiên, Hiệu trưởng trình cơ quan trực tiếp quản lý trường xem xét, phê duyệt về: số thành viên, cơ cấu giữa các thành phần của Hội đồng trường; danh sách các thành viên thuộc thành phần mời; tổ chức bầu các thành viên thuộc thành phần bầu; tổ chức phiên họp đầu tiên của Hội đồng trường để bầu Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng trường.

b) Từ nhiệm kỳ thứ 2 trở đi, Chủ tịch Hội đồng trường tổ chức để Hội đồng trường xác định tỷ lệ, cơ cấu các thành viên cần bổ nhiệm mới, xác định danh sách các thành viên thuộc thành phần mời và tổ chức thực hiện các quy định tại điểm a của Khoản này.

c) Cơ quan trực tiếp quản lý trường ra quyết định công nhận các thành viên của Hội đồng trường, Chủ tịch và Thư ký của Hội đồng trường.

6. Hội đồng trường họp ít nhất 4 tháng một lần. Các cuộc họp của Hội đồng trường được coi là họp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các quyết nghị của Hội đồng chỉ có giá trị khi có quá nửa tổng số thành viên Hội đồng nhất trí. Biên bản của các cuộc họp phải được gửi lên cơ quan quản lý nhà nước chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp.

7. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của Chủ tịch, Thư ký, việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên và các quy định liên quan khác để đảm bảo Hội đồng trường hoạt động đáp ứng với yêu cầu.

Điều 35. Hiệu trưởng trường đại học

1. Hiệu trưởng trường đại học là người đại diện theo pháp luật của nhà trường; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Hiệu trưởng trường đại học phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong giới khoa học, giáo dục, có năng lực quản lý và đã có ít nhất 5 năm tham gia giảng dạy và quản lý giáo dục đại học;

b) Có bằng tiến sĩ;

c) Có sức khỏe tốt; độ tuổi khi bổ nhiệm Hiệu trưởng trường đại học công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ. Những trường hợp đặc biệt Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định. Độ tuổi khi bổ nhiệm Hiệu trưởng trường đại học tư thục được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục.

Điều 36. Quyền hạn, trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Về tổ chức và nhân sự

a) Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường, Hiệu trưởng quyết định thành lập, tổ chức lại và giải thể các tổ chức của trường được quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, k, l của khoản 1 Điều 32 và đề nghị thành lập, giải thể phân hiệu, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 47, Điều 48 của Điều lệ này.

b) Ban hành các quy chế, nội quy, quy định trong nội bộ trường nhằm đảm bảo việc điều hành, kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của trường theo đúng các quy định hiện hành trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường.

c) Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm và miễn nhiệm các chức danh trưởng, phó các đơn vị được quy định tại các điểm d, đ, e, g, k, l khoản 1 Điều 32 của Điều lệ này.

d) Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên; ban hành các quy định về việc nâng cao trình độ, thực hiện nghĩa vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và dịch vụ xã hội của giảng viên; ban hành các quy định về thỉnh giảng; tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của công chức, viên chức trong trường; tạo điều kiện cho công chức, viên chức và người học tham gia các sinh hoạt đoàn thể và hoạt động xã hội;

đ) Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, quyết định việc tiếp nhận, chuyển ngạch theo thẩm quyền; tổ chức thi nâng ngạch và bổ nhiệm vào ngạch cho viên chức theo quy định, phù hợp với cơ cấu cán bộ, nhân viên của trường và tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức ngành giáo dục; quyết định việc tuyển dụng, cho thôi việc, chuyển công tác công chức, viên chức, ký hợp đồng lao động và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật; quyết định nâng bậc lương thường xuyên và trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

g) Bảo đảm quyền lợi người học theo quy định của Điều lệ này.

h) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về các hoạt động của trường.

i) Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật.

k) Bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn trong nhà trường.

l) Tham gia Hội đồng Hiệu trưởng cùng khối ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Về hoạt động đào tạo

a) Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo quy định tại Chương III của Điều lệ này.

b) Xây dựng, phát triển và công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của nhà trường, công khai việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ của nhà trường.

3. Về hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế được quy định tại Chương IV, Chương V của Điều lệ này.

b) Quyết định cử cán bộ từ cấp Phó hiệu trưởng trở xuống đi học tập, tham quan, khảo sát ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

c) Quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài và các đoàn nước ngoài đến làm việc với trường trong phạm vi hoạt động của trường theo quy định của pháp luật.

4. Về tài chính, tài sản và đầu tư

a) Hiệu trưởng trường đại học công lập là chủ tài khoản của trường đại học, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của trường.

b) Quản lý và tổ chức thực hiện các quy định tại Chương IX của Điều lệ này về tài chính và tài sản của trường đại học.

c) Quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, trên cơ sở quy định của pháp luật và quy định của nhà trường.

d) Thực hiện quyền tự chủ về tài chính theo quy định của pháp luật; công bố công khai và minh bạch về thu chi tài chính hàng năm trong báo cáo và trên website của nhà trường.

đ) Chấp hành các quy định về kiểm toán.

e) Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng trường đại học tự thực về tài chính, tài sản và đầu tư được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

5. Hiệu trưởng trường đại học có trách nhiệm thực hiện các quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng trường; cam kết thực hiện mục tiêu hàng năm, báo cáo định kỳ với Hội đồng trường và giải trình trước Hội đồng trường khi có yêu cầu.

Điều 37. Bổ nhiệm và miễn nhiệm Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ là 5 năm và không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý trường ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng các trường đại học công lập trên cơ sở đề nghị của Hội đồng trường. Việc công nhận, miễn nhiệm Hiệu trưởng các trường đại học tự thực được thực hiện theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

3. Hàng năm, Hội đồng trường thực hiện đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của Hiệu trưởng. Nếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ là yếu kém và không có khả năng khắc phục, Hội đồng trường có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền miễn nhiệm Hiệu trưởng.

4. Trường hợp cần thiết, Hội đồng trường (đối với các trường đại học công lập) hoặc Hội đồng quản trị (đối với các trường đại học tự thực) có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm Hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 38. Phó hiệu trưởng trường đại học

1. Phó hiệu trưởng trường đại học, Phó giám đốc học viện (sau đây gọi chung là Phó hiệu trưởng) có chức năng giúp việc cho Hiệu trưởng.

2. Số lượng Phó hiệu trưởng của các trường đại học không quá 3 người tùy thuộc vào quy mô đào tạo của nhà trường, phụ trách các lĩnh vực: đào tạo, công tác sinh viên, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, tài chính, tài sản. Đối với trường đại học được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và có tổng quy mô trên 20.000 sinh viên, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc có trên 3 Phó hiệu trưởng.

3. Phó hiệu trưởng phải có các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này. Trong những trường hợp đặc biệt, có thể xem xét bổ nhiệm Phó hiệu trưởng đối với người có bằng thạc sĩ, nhưng không giao phụ trách hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Phó hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;

b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao.

c) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo với Hiệu trưởng về tình hình công việc được giao.

5. Nhiệm kỳ của Phó hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, có thể được bổ nhiệm lại. Độ tuổi khi bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường đại học công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ; độ tuổi khi bổ nhiệm Phó hiệu trưởng của trường đại học tự thực được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

6. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó hiệu trưởng trường đại học công lập trên cơ sở đề nghị của Hiệu trưởng và Hội đồng trường. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó hiệu trưởng trường đại học tự thực được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

7. Hàng năm, Hội đồng trường thực hiện đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của Phó hiệu trưởng. Nếu mức độ hoàn thành nhiệm vụ là yếu kém và không có khả năng khắc phục, Hội đồng trường có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền miễn nhiệm Phó hiệu trưởng.

8. Trường hợp cần thiết, Hội đồng trường (đối với trường công lập) hoặc Hội đồng quản trị (đối với trường tư thục) có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến đối với Phó hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 39. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Hội đồng khoa học và đào tạo có nhiệm vụ tư vấn với Hiệu trưởng về các việc:

a) Xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm trình Hội đồng trường;

b) Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của trường;

c) Trọng tâm đào tạo, đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo;

d) Định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ;

đ) Báo cáo, giải trình của Hiệu trưởng;

e) Đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của các đơn vị trong trường.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo có số thành viên là số lẻ từ 11 đến 25 thành viên, gồm: Hiệu trưởng, một số Phó hiệu trưởng; Trưởng của một số khoa, viện lớn trong trường; trưởng một số phòng, đơn vị khác; đại diện giảng viên và cán bộ khoa học của nhà trường có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc trình độ tiến sĩ; đại diện viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, cán bộ khoa học có liên quan ở bên ngoài trường. Số lượng thành viên, tỷ lệ các thành phần và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học và đào tạo được xác định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số phiếu. Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng khoa học và đào tạo thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất 1 lần trong một học kỳ do Chủ tịch Hội đồng triệu tập; nội dung cuộc họp phải được thông báo trước cho tất cả các thành viên ít nhất 07 ngày; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp có hiệu lực khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng khoa học và đào tạo biểu quyết tán thành; biên bản của cuộc họp phải được trình lên Hội đồng trường chậm nhất sau 10 ngày.

Điều 40. Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn có nhiệm vụ tư vấn cho Hội đồng trường và Hiệu trưởng về các vấn đề có liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, gắn nhà trường với doanh nghiệp, nhằm gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và thực tiễn sản xuất, kinh doanh, bảo đảm nhà trường đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Hội đồng tư vấn làm việc không hưởng lương.

2. Hội đồng tư vấn bao gồm từ 7 đến 15 thành viên ở ngoài trường, là những người có đóng góp tích cực cho trường, đặc biệt là những người hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, xã hội và chính trị có liên quan đến các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ và hợp tác quốc tế của nhà trường.

3. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tư vấn trên cơ sở đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo.

4. Tùy theo yêu cầu công việc, Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng có thể mời tất cả hoặc một số thành viên của Hội đồng tư vấn đề tư vấn trực tiếp tại các cuộc họp hoặc tư vấn bằng văn bản.

Điều 41. Khoa, Viện

1. Khoa, Viện (sau đây gọi chung là Khoa) là đơn vị trực thuộc trường, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Đề xuất thay đổi về tổ chức, nhân sự trong khoa; đăng ký nhận nhiệm vụ đào tạo các trình độ, mở ngành, chuyên ngành đào tạo;

b) Xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

c) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, phát triển chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế;

d) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

đ) Quản lý công chức, viên chức và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

e) Quản lý nội dung, phương pháp, chất lượng đào tạo, quản lý chất lượng hoạt động khoa học và công nghệ;

g) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao; tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy – học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

h) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho công chức, viên chức và người học; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa;

i) Tổ chức đánh giá cán bộ quản lý, giảng viên và nghiên cứu viên trong khoa; tham gia đánh giá cán bộ quản lý cấp trên, cán bộ quản lý ngang cấp theo quy định của nhà trường.

2. Lãnh đạo khoa là Trưởng khoa, lãnh đạo viện là Viện trưởng (sau đây gọi chung là Trưởng khoa). Giúp việc Trưởng khoa có không quá 2 Phó trưởng khoa (đối với viện, là Phó viện trưởng). Nhiệm kỳ của Trưởng khoa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại, nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa và có thể được bổ nhiệm lại.

3. Trưởng khoa phải có bằng tiến sĩ, là giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý.

4. Phó trưởng khoa phải có bằng thạc sĩ trở lên, là giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và có năng lực quản lý. Riêng Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ phải có bằng tiến sĩ.

5. Độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa trong các trường đại học công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ; độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa của trường đại học tư thục được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục.

6. Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa. Quy trình giới thiệu, bổ nhiệm và miễn nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

7. Hàng năm, Hiệu trưởng đánh giá các Trưởng khoa và Phó trưởng khoa về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết Hiệu trưởng có thể lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với Trưởng khoa, Phó trưởng khoa. Trưởng khoa, Phó trưởng khoa không hoàn thành nhiệm vụ phải được thay thế kịp thời.

8. Hội đồng khoa

a) Khoa được tổ chức Hội đồng khoa để tư vấn cho Trưởng khoa thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này, giúp Trưởng khoa ra quyết định hoặc đệ trình lên Hiệu trưởng ra quyết định theo quy định của nhà trường.

b) Hội đồng khoa có số thành viên là số lẻ trong khoảng từ 7-15 thành viên, gồm: Trưởng khoa, một số Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, một số giảng viên, cán bộ khoa học trong khoa là giáo sư, phó giáo sư, giảng viên có bằng tiến sĩ. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa và tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo, Hiệu trưởng bổ nhiệm các thành viên của Hội đồng khoa.

c) Hội đồng khoa bầu Chủ tịch Hội đồng theo nguyên tắc bỏ phiếu kín và đa số phiếu. Chủ tịch Hội đồng điều hành Hội đồng khoa thực hiện việc tư vấn và thông qua các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

d) Số lượng thành viên và thủ tục lựa chọn các thành viên, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

đ) Hội đồng khoa họp ít nhất 3 tháng 1 lần do Chủ tịch Hội đồng triệu tập; nội dung cuộc họp phải được thông báo trước ít nhất 07 ngày đến tất cả các thành viên của Hội đồng; cuộc họp được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự; kết luận của cuộc họp được thông qua khi có trên 50% số thành viên của Hội đồng khoa biểu quyết tán thành; biên bản của các cuộc họp phải được trình lên Hiệu trưởng chậm nhất sau 7 ngày.

9. Các khoa được thành lập Hội đồng tư vấn ngành với các thành viên ở ngoài trường để tư vấn cho Trưởng khoa trực tiếp tại các cuộc họp hoặc gián tiếp bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ xã hội, hợp tác quốc tế, tạo điều kiện cho các hoạt động của khoa liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, xã hội và đạt được mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn ngành được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

10. Trong các trường đại học chỉ tổ chức bộ môn trực thuộc trường thì các bộ môn trực thuộc trường có chức năng, nhiệm vụ của khoa và bộ môn được quy định tại các Điều 41 và Điều 42 của Điều lệ này.

Điều 42. Bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị chuyên môn về đào tạo, khoa học và công nghệ của một hoặc một số ngành, chuyên ngành đào tạo trực thuộc khoa trong trường đại học. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa, ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo và chấp thuận của Hội đồng trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách các bộ môn và quyết định cụ thể về tổ chức và hoạt động của bộ môn theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập của một hoặc một số môn học trong chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa.

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung môn học, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến nhóm môn học được Trưởng khoa và Hiệu trưởng nhà trường giao.

c) Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

d) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường; thực hiện dịch vụ xã hội và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn của bộ môn.

đ) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn.

e) Tổ chức đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân, của bộ môn, của khoa và của trường theo yêu cầu của Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Trường khoa.

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn

3. Đứng đầu bộ môn là Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trường khoa. Trưởng bộ môn phải là nhà khoa học có uy tín, có bằng tiến sĩ. Trường hợp đặc biệt, đối với bộ môn không phải chuyên ngành có thể bổ nhiệm người có bằng thạc sĩ làm Trưởng bộ môn. Nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn và quy trình bổ nhiệm Trưởng bộ môn được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

4. Có thể thành lập Hội đồng tư vấn chuyên ngành với các thành viên ở ngoài bộ môn và ngoài trường để tư vấn cho Trưởng bộ môn các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bộ môn với thực tiễn sản xuất và phục vụ nhu cầu xã hội. Việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn chuyên ngành được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Điều 43. Phòng chức năng

1. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao.

2. Đứng đầu các phòng là các Trưởng phòng. Trưởng phòng của các phòng về đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế và tổ chức cán bộ phải đã từng là giảng viên đại học hoặc đã tham gia giảng dạy đại học ít nhất 5 năm. Hiệu trưởng quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các Trưởng phòng. Giúp việc Trưởng phòng có các Phó trưởng phòng; Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các Phó trưởng phòng trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng.

3. Độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng trong các trường đại học công lập không quá 55 đối với nam và không quá 50 đối với nữ. Độ tuổi khi bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng của trường đại học tư thục được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục. Trưởng phòng, Phó trưởng phòng có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Hàng năm, Hiệu trưởng đánh giá các Trưởng phòng và Phó trưởng phòng về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất đối với Trưởng phòng, Phó trưởng phòng. Trưởng phòng, Phó trưởng phòng không hoàn thành nhiệm vụ phải được thay thế kịp thời.

Điều 44. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp

1. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới hình thức viện hoặc trung tâm, được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng, hoạt động theo quy định của pháp luật và có các nhiệm vụ sau:

a) Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ mũi nhọn hoặc liên ngành, đưa tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ đào tạo, phát triển kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo và thực tế sản xuất, kinh doanh.

2. Các tổ chức dịch vụ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyên giao công nghệ, các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, các dịch vụ sinh viên.

3. Các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, được tổ chức phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường, phục vụ cho hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập và giải thể các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp.

Điều 45. Thư viện, xuất bản và các đơn vị phục vụ khác

1. Trường đại học phải có thư viện và các trung tâm thông tin tư liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Thư viện và các trung tâm thông tin tư liệu có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ ở trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực hoạt động của trường, thu thập và bảo quản các sách, tạp chí, băng, đĩa, các tài liệu lưu trữ, các luận văn, luận án đã bảo vệ tại trường, các ấn phẩm của trường. Thư viện và các trung tâm thông tin tư liệu chuyên ngành hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng ban hành.

2. Trường đại học có tổ chức in ấn, xuất bản. Nhiệm vụ, chức năng của tổ chức in ấn, xuất bản do Hiệu trưởng quyết định phù hợp với pháp luật.

3. Trường đại học có các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, khoa học và công nghệ như: bảo tàng, phòng truyền thống, tổ chức dịch vụ, câu lạc bộ, nhà văn hóa – thể dục thể thao, hệ thống ký túc xá, nhà ăn. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị này được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập và giải thể các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ sau khi được Hội đồng trường thông qua.

Điều 46. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường đại học hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục, phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể, tổ chức xã hội trong nhà trường.

Điều 47. Phân hiệu của trường đại học

1. Phân hiệu của trường đại học là đơn vị phụ thuộc của trường đại học, đóng ở tỉnh, thành phố khác với nơi đặt trụ sở chính của trường đại học, không có tư cách pháp nhân riêng, thuộc cơ cấu tổ chức và chịu sự quản lý và điều hành của nhà trường, chịu sự quản lý của địa phương như đối với trường đại học theo quy định của Chính phủ.

2. Phân hiệu trường đại học thực hiện các nhiệm vụ của trường đại học theo sự điều hành của nhà trường; định kỳ báo cáo với nhà trường về các hoạt động của phân hiệu, báo cáo với địa phương về các hoạt động liên quan đến chức năng quản lý của địa phương.

3. Phân hiệu của trường đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập khi đáp ứng các điều kiện như thành lập trường đại học theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 48. Văn phòng đại diện của trường đại học

1. Văn phòng đại diện là một đơn vị phụ thuộc của trường đại học, được thành lập theo quy định của pháp luật, để thực hiện các giao dịch phục vụ cho các hoạt động của nhà trường; không thực hiện tuyển sinh, không tổ chức hoạt động đào tạo và hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Văn phòng đại diện của trường đại học chịu sự quản lý điều hành của nhà trường; chịu sự quản lý hành chính về lãnh thổ của chính quyền địa phương.

3. Thủ tục thành lập

a) Trường đại học trình hồ sơ xin cấp phép thành lập Văn phòng đại diện lên Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương, nơi dự kiến đặt địa điểm của Văn phòng đại diện. Trong hồ sơ phải nêu rõ: sự cần thiết thành lập Văn phòng đại diện; chức năng, nhiệm vụ và địa điểm của Văn phòng đại diện; các điều kiện đảm bảo xây dựng và vận hành Văn phòng đại diện.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi trường đại học đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, có trách nhiệm cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của trường đại học.

Chương 9.

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Điều 49. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Tài sản của trường đại học bao gồm: đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng; tài sản có được từ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; các trang thiết bị và những tài sản khác được Nhà nước giao cho trường quản lý và sử dụng hoặc do trường tự đầu tư mua sắm, xây dựng; các khoản tiền có được từ ngân sách nhà nước, học phí, lệ phí tuyển sinh, hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của trường, đóng góp của các tổ chức, cá nhân để phát triển giáo dục; các khoản biếu, tặng, cho, tài trợ khác của các tổ chức và cá nhân cho nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản của trường đại học công lập thuộc sở hữu nhà nước; việc quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường đại học được Nhà nước giao đất, cho thuê quyền sử dụng đất, khi chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép. Tài sản của trường đại học tư thục được sở hữu, sử dụng và quản lý theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tư thục và quy định của pháp luật.

3. Ngoài việc bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản hàng năm, trường đại học có kế hoạch và bố trí kinh phí ưu tiên hợp lý từ nguồn thu của trường để đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới và từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật, bảo đảm nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập quốc tế.

4. Hàng năm, trường đại học tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản của trường và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 50. Nguồn tài chính của trường đại học

1. Ngân sách nhà nước cấp bao gồm:

a) Kinh phí cho các hoạt động thường xuyên của trường đại học công lập do Ngân sách nhà nước cấp theo quy định của Chính phủ;

b) Kinh phí thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao;

c) Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ theo dự án và kế hoạch hàng năm; vốn đối ứng do các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí đầu tư ban đầu, đầu tư khuyến khích của Nhà nước đối với trường đại học tự thực.

2. Nguồn thu sự nghiệp bao gồm:

a) Thu học phí, lệ phí từ người học;

b) Thu từ các hoạt động hợp tác đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Kinh phí Nhà nước thanh toán cho nhà trường theo chế độ đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước;

d) Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

đ) Các nguồn thu sự nghiệp khác.

3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Đầu tư của các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài để phát triển giáo dục theo quy định của pháp luật;

b) Tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà biếu, tặng, cho của các tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài;

c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính của trường đại học tự thực được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

Điều 51. Nội dung chi của trường đại học

1. Chi thường xuyên và chi phục vụ cho hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ của trường.

2. Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

3. Chi thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ; chương trình mục tiêu quốc gia; chi thực hiện đơn đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát); chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài; chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được các cấp có thẩm quyền giao.

4. Chi đầu tư phát triển, gồm: chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị; chi thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của Nhà nước.

5. Chi trả vốn vay, vốn góp.

6. Các khoản chi khác.

7. Nội dung chi của trường đại học tự thực thực hiện theo Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

Điều 52. Quản lý tài chính

1. Trường đại học công lập được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các trường đại học tự thực được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực.

3. Trường đại học thực hiện công khai tài chính và kiểm toán tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.

Chương 10.

QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 53. Trách nhiệm và quan hệ của trường đại học đối với gia đình và xã hội

1. Trường đại học thực hiện công khai về:
 - a) Chiến lược phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường;
 - b) Cam kết về chất lượng đào tạo, các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên, điều kiện phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của người học tại trường;
 - c) Các kết quả đào tạo, khoa học và công nghệ;
 - d) Chỉ tiêu, điều kiện, kế hoạch và phương thức tuyển sinh hàng năm, tổ chức đào tạo, đánh giá quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp, văn bằng, chứng chỉ và các quy định riêng của nhà trường liên quan đến học tập, quyền và nghĩa vụ của người học.
 - đ) Số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp, thông tin về cấp phát văn bằng chứng chỉ, những thông tin về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp.
2. Trường đại học thực hiện giải trình về các cam kết và các hoạt động của trường với các bên liên quan khi được yêu cầu.
3. Trường đại học có website riêng của trường, thường xuyên cập nhật các thông tin nêu ở khoản 1 Điều này và các thông tin khác về tổ chức và hoạt động của nhà trường.
4. Trường đại học phối hợp với các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; thực hiện các quy chế dân chủ trong nhà trường; xây dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm giáo dục, văn hóa và khoa học.
5. Trường đại học thực hiện chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, có giải pháp thu hút các tổ chức xã hội, các tổ chức tuyển dụng, các doanh nghiệp, các bên liên quan khác tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, góp ý kiến cho nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo, hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp, giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.
6. Trường đại học có trách nhiệm phổ biến trong cộng đồng các tri thức khoa học, chuyên giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 54. Quan hệ giữa trường đại học và các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, doanh nghiệp

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước đối với trường đại học. Các Bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước đối với trường đại học theo thẩm quyền.
- Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước đối với trường đại học trên địa bàn theo phân cấp của Chính phủ.
2. Các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các tổ chức sự nghiệp phối hợp với trường đại học tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.
3. Trường đại học phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp, các tổ chức sự nghiệp trong việc xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và việc tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; ký các hợp đồng đào tạo, các hợp đồng khoa học và công nghệ; triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

4. Trường đại học phối hợp với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao.

5. Trường đại học tạo điều kiện để các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong trường quan hệ với các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phối hợp để thực hiện tốt các nội dung:

a) Tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ; chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống.

b) Xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực; bảo đảm trật tự, an ninh và an toàn của người học; ngăn chặn việc sử dụng ma túy và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

c) Hỗ trợ theo khả năng về tài lực, vật lực cho sự nghiệp phát triển giáo dục, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, điều kiện học tập, công tác của công chức, viên chức và người học trong nhà trường.

Chương 11. **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 55. Ban hành và áp dụng Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường đại học.

Trường đại học tổ chức xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mình theo quy định tại Điều 4 của Điều lệ này và ban hành, áp dụng trong nhà trường từ năm học 2011-2012.

Điều 56. Áp dụng tiêu chuẩn của giảng viên

1. Trường đại học lập kế hoạch và có giải pháp tích cực để tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 của Điều lệ này;

2. Từ năm học 2014 – 2015, các trường đại học phải áp dụng đầy đủ tiêu chuẩn của giảng viên quy định tại khoản 2 Điều 24 của Điều lệ này.

Điều 57. Chế độ báo cáo

1. Trường đại học phải báo cáo Cơ quan quản lý trực tiếp, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố nơi trường đặt trụ sở sau mỗi học kỳ; báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo sau mỗi năm học.

2. Báo cáo bao gồm các nội dung: điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo; các kết quả đã đạt được trong kỳ, trong năm học về hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, phát triển đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý; phát triển cơ sở vật chất; tình hình sử dụng Ngân sách nhà nước; đánh giá mức độ hoàn thành các cam kết mục tiêu đầu năm học; cam kết mục tiêu, kế hoạch phát triển và kế hoạch tuyển sinh cho năm sau. Các báo cáo phải được công bố công khai.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể về nội dung, hình thức của báo cáo, đảm bảo phản ánh được toàn diện phát triển của trường đại học trong học kỳ, trong năm học và thuận lợi cho việc thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học./.